

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN KIẾN AN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 12-9-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Biên
2. Bà Hoàng Thị Chính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phùng Thế Thành - Thư ký Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đô - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 826/2020/QĐXX-ST ngày 14 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1060/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị Thúy N, địa chỉ: Tổ 15, phường L, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đoàn Văn T, địa chỉ: Tổ 15, phường L, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn xin ly hôn và các bản khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Đỗ Thị Thúy N trình bày: Chị và anh Đoàn Văn T kết hôn năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Chị và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng, ngày 20/3/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống của hai người không hợp nhau, thiếu tôn trọng nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù đã được bạn bè và hai bên gia đình khuyên can hoà giải nhiều lần, nhưng tình trạng

mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện, do đó năm 2012 chị đã làm đơn ly hôn anh T tại Tòa án nhân dân quận Kiến An. Quá trình giải quyết, được Tòa án cũng như gia đình hai bên động viên, khuyên giải chị đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ, Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết, tuy nhiên đến nay cuộc sống chung của vợ chồng vẫn không thay đổi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Chị và anh T đã sống ly thân mỗi người một nơi không ai còn quan tâm đến ai, kinh tế riêng biệt. Nay chị xét thấy chị và anh T có sống chung cũng không còn hạnh phúc, chị làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân quận Kiến An giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đoàn Văn T. Về con chung: Chị và anh Đoàn Văn T có 02 con chung tên là Đoàn Quỳnh A, sinh ngày 08 tháng 9 tháng 2008 và Đoàn Phúc L, sinh ngày 20 tháng 10 tháng 2009. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cả hai con cho chị nuôi dưỡng, tuy nhiên các cháu cũng đã lớn nên nếu các cháu có nguyện vọng muốn được ở với ai, chị sẽ tôn trọng nguyện vọng của các cháu. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản chung, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân quận Kiến An đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại các Biên bản xác minh ngày 07/7/2020, địa phương cũng như gia đình nơi chị N và anh T cư trú cung cấp về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã kéo dài nhiều năm và rất căng thẳng, đề nghị Tòa án nhân dân quận Kiến An giải quyết cho anh chị được ly hôn để sớm ổn định cuộc sống.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Thư ký Tòa án về cơ bản chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề xuất việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị Thúy N được ly hôn anh Đoàn Văn T Về con chung: Đề nghị giao chung tên là Đoàn Quỳnh A, sinh ngày 08/9/2008 cho chị N nuôi dưỡng và giao con Đoàn Phúc L, sinh ngày 20/10/2009 cho anh Đoàn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, do các bên không có ý kiến không yêu cầu nên không xem xét. Tài sản chung và công nợ, chị N và anh T đều không đề nghị giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị Đỗ Thị Thúy N phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng nhận định:

[1] Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Anh Đoàn Văn T là bị đơn, hiện cư trú tại Tổ 15, phường L, quận K, thành phố Hải Phòng, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án nhân dân quận Kiến An đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Đoàn Văn T không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Đoàn Văn T. Chị Đỗ Thị Thúy N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tuy nhiên chị có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là chị Đỗ Thị Thúy N.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Thúy N và anh Đoàn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khởi Nghĩa, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng ngày 20 tháng 3 năm 2007. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Căn cứ vào lời khai của chị Đỗ Thị Thúy N và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định chị Đỗ Thị Thúy N và anh Đoàn Văn T trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống, tính cách không hợp nhau. Đến nay chị Ngà xác định tình cảm giữa chị và anh Thọ không còn, chị giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh Đoàn Văn T. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đỗ Thị Thúy N và anh Đoàn Văn T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị Thúy N là phù hợp pháp luật và thực tế vụ kiện, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Đỗ Thị Thúy N và anh Đoàn Văn T có 02 con chung là Đoàn Thị Quỳnh A, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2008 và Đoàn Phúc L, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2009. Lời khai của chị Đỗ Thị Thúy N và tài liệu chứng cứ thể hiện, từ trước đến nay, chị Ngà vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Đoàn Quỳnh A, anh Đoàn Văn T vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Đoàn Phúc L. Để đảm bảo cho các cháu Đoàn Quỳnh A, Đoàn Phúc L ổn định cuộc sống, tránh sự xáo trộn có thể ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của các cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung là Đoàn Quỳnh A cho chị Đỗ Thị Thúy N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao con chung là Đoàn Phúc L cho anh Đoàn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng của các cháu và thực tế vụ kiện. Đây cũng là quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An tại phiên tòa. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi

con chung, do chị Ngà và anh Thọ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị Thúy N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản.

[6] Về án phí: Chị Đỗ Thị Thúy N phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị Thúy N ly hôn anh Đoàn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là Đoàn Quỳnh A, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2008 cho chị Đỗ Thị Thúy N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao con chung là Đoàn Phúc L, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2009 cho anh Đoàn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, do các bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị Thúy N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị Thúy N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007603 ngày 09/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng, chị Đỗ Thị Thúy N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị Thúy N và anh Đoàn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Kiến An;
- Chi cục THADS quận Kiến An;
- UBND xã Khởi Nghĩa, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng (ĐKKH: 20/3/2007);
- Đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Minh Thông